

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Trần Thanh Tuấn.**
- 2. Bà Nguyễn Hồng Lành.**

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Phước Long: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, về việc: ***“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M.Tr** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã T, Huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh **Nguyễn V.M** - sinh năm 1978. Địa chỉ : Ấp P, xã T, Huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Phạm Thị M.Tr trình bày và yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh M sống chung vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân U. Do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể nào sống chung được nữa nên vợ chồng đã ly thân khoảng 5 năm nay. Nay chị Tr không còn tình cảm với anh M nữa, nên chị Tr yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn V.M.

- Về con chung: Chị Tr và anh M có một người con chung tên Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009, hiện tại cháu H phát triển khỏe mạnh, bình thường và hiện nay đang sống với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh M có văn bản trình bày ý kiến, tại văn bản thể hiện ý kiến ngày 17 tháng 8 năm 2019 anh M trình bày nội dung: Anh M đồng ý ly hôn chị Tr và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009 cho chị Tr nuôi khi ly hôn. Ngoài ra anh M còn xác định vợ chồng anh, chị không có tài sản chung.

*** *Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị Tr đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng anh M vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị M.Tr được ly hôn anh Nguyễn V.M.

+ Về con: Giao con chung của chị Tr và anh M là cháu Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009 cho chị Tr trực tiếp nuôi khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*** *Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Tr và anh M tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Tr yêu cầu ly hôn, anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

- Chị Tr và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009, cháu H có nguyện vọng được sống với chị Tr, đồng thời chị Tr và anh M thống nhất giao con chung cho chị Tr nuôi, chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Tr và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị M.Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V.M, được Tòa án nhân dân Huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Tr có đề nghị xét xử vắng mặt; Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh M: Chị Tr và anh M tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Phước Long. Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, từ đó chị Tr và anh M cũng đã ly thân khoảng 05 năm. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh M, anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Chị Tr và anh M vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến khác, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014 cho chị Tr được ly hôn anh M.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Tr và anh M thống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009, hiện tại cháu H đang sống chung với chị Tr, cháu H có nguyện vọng được sống chung chị Tr khi chị Tr và anh M ly hôn, đồng thời chị Tr và anh M cũng thống nhất giao con chung cho chị Tr nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh M thống nhất xác định anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Phạm Thị M.Tr phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh M không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M.Tr đối với anh Nguyễn V.M, chị Phạm Thị M.Tr được ly hôn anh Nguyễn V.M.

2. Về con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Tr và anh M là cháu Nguyễn Th.H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2009 cho chị Tr trực tiếp nuôi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị M.Tr phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014180 ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phước Long, cHên thu án phí đối với chị Tr số tiền 300.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang